

## CURRENT SITUATION OF SELF-STUDY OF STUDENTS LEARNING FRENCH AT NHA TRANG UNIVERSITY TODAY

Nguyen Duy Su  
Nha Trang University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<b>Received:</b> 11/11/2023	Self-study is a very important activity for students in general and Nha Trang University students in particular. This is considered to be a central activity of the university study process. This study was conducted to fully evaluate the self-study reality of students learning French at the university, finding out the causes of this problem and thereby proposing some practical solutions. The author used a combination of many methods: document analysis and synthesis, practical observation, quantitative methods with a survey to collect opinions of 114 French students and in-depth interviews with 5 lecturers. The results show that most students spent time self-studying, but the time spent on this activity was too little. In addition, students did not have a reasonable self-study method and lacked basic self-study skills. On that basis, the article also suggests a few proposals to improve students' self-study, thereby contributing to improving the quality of training.
<b>Revised:</b> 31/12/2023	
<b>Published:</b> 31/12/2023	
<b>KEYWORDS</b>	
Current situation	
Self-study	
Students	
French	
Nha Trang University	

## THỰC TRẠNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN HỌC TIẾNG PHÁP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG HIỆN NAY

Nguyễn Duy Sự  
Trường Đại học Nha Trang

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b> 11/11/2023	Tự học là hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng đối với sinh viên nói chung và sinh viên Trường Đại học Nha Trang nói riêng. Đây được xem là hoạt động trung tâm của quá trình học đại học. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá một cách đầy đủ thực trạng tự học của sinh viên học tiếng Pháp tại trường, tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề này và từ đó đề xuất một số giải pháp thiết thực. Tác giả đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, quan sát thực tiễn, phương pháp định lượng với công cụ thu thập dữ liệu là bảng khảo sát thu thập ý kiến của 114 sinh viên học tiếng Pháp và phỏng vấn sâu 5 giảng viên. Kết quả thu được cho thấy đa phần sinh viên có dành thời gian tự học nhưng thời gian dành cho hoạt động này còn quá ít, bên cạnh đó, sinh viên chưa có phương pháp tự học hợp lý và thiếu các kỹ năng tự học cơ bản. Trên cơ sở đó, bài viết cũng gợi ý một vài đề xuất nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.
<b>Ngày hoàn thiện:</b> 31/12/2023	
<b>Ngày đăng:</b> 31/12/2023	
<b>TỪ KHÓA</b>	
Thực trạng	
Tự học	
Sinh viên	
Tiếng Pháp	
Trường Đại học Nha Trang	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9187>

Email: [sund@ntu.edu.vn](mailto:sund@ntu.edu.vn)

<http://jst.tnu.edu.vn>

250

Email: [jst@tnu.edu.vn](mailto:jst@tnu.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Từ lâu, việc tự học của người học luôn là vấn đề không chỉ được các nhà giáo dục đặt lên hàng đầu mà còn được cả xã hội, cả hệ thống chính trị quan tâm vì trong quan điểm “học là học suốt đời” thì mỗi cá nhân cần phải có ý thức không ngừng tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để hoàn thiện bản thân mình, có những đóng góp thiết thực cho cộng đồng, cho đất nước. Luật Giáo dục ban hành năm 2009 cũng nêu rõ “Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng” (Điều 40) [1]. Trên tinh thần đó, Ngô Tử Thành và cộng sự khái quát hóa việc dạy học bằng biểu thức “Dạy học = dạy cách sinh viên (SV) TỰ HỌC để biến *thông tin* thành *tri thức*” [2, tr. 43]. Bản chất của hoạt động dạy học là dạy SV cách học, cách tự học và tự chiếm lĩnh tri thức. Bản chất của hoạt động học đại học là lấy việc tự học làm trung tâm bởi vì “hoạt động nhận thức của SV ở đại học là hoạt động mang tính chất nghiên cứu” [3, tr. 89]. Theo giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn thì “Tự học là tự mình động não suy nghĩ, sử dụng năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình rồi cả động cơ, tình cảm, cá nhân sinh quan, thế giới quan để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình” [4, tr. 59]. Chia sẻ quan điểm này, tác giả Nguyễn Hiến Lê cũng cho rằng tự học là tự mình tìm tòi thêm mà không cần quan tâm đến việc có thầy hay không, là hoạt động tự chủ về ý thức, thời gian và nội dung học tập [5]. Đặc trưng của hoạt động tự học là ý thức tự giác, tự nguyện, tự tìm ra bản chất của vấn đề trong một tình huống cụ thể, độc lập sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo vào các tình huống khác nhau một cách hiệu quả mà không có sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên (GV) [6]. Hay nói cách khác là đặc trưng của hoạt động tự học là nhằm biến đổi nhân cách của SV – chủ thể của hoạt động tự học.

Tuy nhiên, để hoạt động tự học có hiệu quả thì ngoài ý thức tự giác và tự nguyện, SV cần được trang bị những kỹ năng và phương pháp tự học. Kỹ năng tự học được hiểu là khả năng vận dụng các kiến thức tích lũy được để tiến hành các hoạt động học tập [7]. Kỹ năng tự học không phải là những yếu tố bẩm sinh mà được hình thành trong quá trình người học thực hiện hoạt động học tập và trải nghiệm trong môi trường xã hội [8]. Các nhà nghiên cứu phân loại kỹ năng tự học bao gồm các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng lập kế hoạch học tập, kỹ năng tìm tài liệu, kỹ năng đọc sách, kỹ năng ghi chép, kỹ năng ôn tập và kỹ năng hệ thống hóa tài liệu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự kiểm tra và đánh giá kết quả tự học, kỹ năng tự nghiên cứu. Tất cả kỹ năng này đều cần thiết để giúp việc tự học đạt kết quả tốt, mỗi kỹ năng đều góp phần quan trọng vào hiệu quả của hoạt động tự học [6], [9], [10]. Về phương pháp tự học, trước khi bàn về khái niệm này, tác giả muốn làm rõ nội hàm của khái niệm “phương pháp”. Có nhiều định nghĩa khác nhau về phương pháp, tuy nhiên trong khuôn khổ bài báo này, tác giả chỉ lựa chọn những định nghĩa phù hợp nhất. Từ điển tiếng Pháp Le Nouveau Petit Robert định nghĩa phương pháp là “tập hợp các phương tiện hợp lý được sử dụng để đạt được mục tiêu” [11, tr. 1586]. Một số tác giả định nghĩa phương pháp là “cách thức được chủ thể sử dụng nhằm đạt được mục đích đã vạch ra” [12, tr. 11] hoặc là “phương hướng thực hiện điều gì đó” [13, tr. 1003]. Nguyễn Thị Hà và cộng sự cho rằng khái niệm phương pháp thực ra là cách nói tắt của “phương pháp hoạt động”, nghĩa là khi đề cập đến khái niệm này phải hàm chứa các yếu tố như chủ thể, nội dung, mục tiêu hoặc mục đích, quy trình, cách thức hoặc phương thức, thao tác, phương tiện, điều kiện, kết quả của hoạt động [14, tr. 14]. Như vậy, phương pháp tự học của SV là tập hợp các phương tiện hợp lý (cách thức, quy trình, thao tác, nội dung, phương tiện, điều kiện,...) mà SV sử dụng trong hoạt động tự học để đạt được mục tiêu là đạt được kết quả học tập tốt nhất có thể.

Ngày nay, chúng ta đã bước vào thời đại công nghệ số và giáo dục đại học đã chuyển đổi từ hình thức đào tạo niên chế sang hệ đào tạo tín chỉ nên vấn đề tự học lại càng trở nên cấp thiết và quan trọng hơn. Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy tại Trường Đại học Nha Trang (ĐHNT), tác giả nhận thấy tính tự học ở một bộ phận sinh viên vẫn còn chưa cao. Nhiều sinh viên trong đó có sinh

viên học tiếng Pháp của trường còn có thái độ học tập thụ động, dường như chỉ tham gia học trên lớp mang tính đối phó, về nhà không dành thời gian cho việc tự học, bằng chứng là khi giảng viên giao bài tập về nhà nhưng hôm sau lên lớp thì nhiều em vẫn không làm hoặc có làm nhưng tính hiệu quả chưa cao. Trong khi đó, theo báo cáo mới nhất của Trường ĐHNT về việc lấy ý kiến của người học đối với hoạt động giảng dạy học kỳ 2 năm học 2022 - 2023, 89,9% SV được hỏi đều khẳng định là GV thường xuyên kiểm tra kết quả tự học, tự nghiên cứu [15].

Từ thực tế đó, tác giả đã thực hiện một nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng tự học của sinh viên học tiếng Pháp tại Trường Đại học Nha Trang, tìm ra nguyên nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện tính tự học của SV, qua đó cải thiện chất lượng đào tạo.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài báo, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu, gồm:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: tác giả đã thu thập và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, từ đó có cái nhìn tổng quan về thực trạng nghiên cứu vấn đề tự học của SV, làm sáng tỏ các khái niệm và hình dung hướng nghiên cứu của riêng mình. Song song với đó, tác giả sử dụng phương pháp quan sát thực tiễn: trong quá trình giảng dạy, kiểm tra và đánh giá hoạt động học tập của SV, bằng nhãn quan khoa học của mình, tác giả đã quan sát được những hiện tượng cũng cố thêm cho những nhận định về thực trạng tự học của sinh viên học tiếng Pháp tại Trường ĐHNT.

Phương pháp nghiên cứu định lượng với công cụ thu thập dữ liệu là bảng câu hỏi khảo sát nhằm giúp tác giả có số liệu từ người học, làm cơ sở để phân tích, đánh giá về thực trạng của vấn đề nghiên cứu.

Cuối cùng tác giả tiến hành phỏng vấn sâu giảng viên dạy ngoại ngữ nhằm thu thập những dữ liệu từ GV giúp tác giả đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện, đa chiều về vấn đề nghiên cứu, từ đó đề ra các giải pháp nhằm cải thiện thực trạng tự học của SV tại Trường ĐHNT.

### 2.2. Mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là sinh viên Trường ĐHNT đang theo học các học phần tiếng Pháp từ trình độ A1 đến B1 thuộc học kỳ 2 năm học 2022 – 2023 với tổng số là 114 SV tham gia, trong đó số SV nam là 36 (31,6%) và SV nữ là 78 (68,4%), độ tuổi từ 18 đến 22 tuổi. Thời gian thực hiện khảo sát từ ngày 26/3/2023 đến 2/4/2023. Ngoài ra, tác giả cũng đã tiến hành phỏng vấn sâu 05 giảng viên (3 GV nữ và 2 GV nam, tuổi từ 28 đến 50) giảng dạy các học phần ngoại ngữ không chuyên để có thêm đánh giá khách quan về thực trạng tự học của SV.

## 3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

### 3.1. Thực trạng về thời gian tự học tiếng Pháp của sinh viên

Trong số 114 SV tham gia khảo sát, 112 SV (98,2%) trả lời rằng các em có tự học thêm tiếng Pháp ngoài thời gian lên lớp mỗi tuần, 2 SV (1,8%) nói rằng các em không dành thời gian tự học hàng tuần, mà thỉnh thoảng mới học hoặc là chỉ học một ít trước lúc kiểm tra hoặc thi kết thúc học phần. Lý do mà các em đưa ra là các em muốn dành thời gian cho việc học các môn chuyên ngành và cho việc riêng (làm thêm). Kết quả khảo sát cho thấy thời gian mà các em dành cho việc tự học tiếng Pháp trung bình 30 phút mỗi tuần chiếm 17,5%, trên 30 phút đến 1 giờ mỗi tuần chiếm 42,1%, từ 1 giờ đến 2 giờ mỗi tuần chiếm 27,2%, trong khi đó số SV dành trên 2 giờ đến 4 giờ mỗi tuần chỉ chiếm 9,7%, trên 4 giờ mỗi tuần chiếm 3,5%. Như vậy, tổng số SV dành thời gian tự học tiếng Pháp trung bình 1 giờ mỗi tuần trở xuống chiếm 59,6% tổng số SV tham gia khảo sát. Với thời lượng học trên lớp từ 4 đến 6 tiết/tuần trên lớp thì chúng tôi cho rằng thời gian mà các em dành cho việc tự học tiếng Pháp như vậy là quá ít. Cũng cần nói thêm là tại Trường ĐHNT, các học phần ngoại ngữ (tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung, Hàn, Nhật) là bắt buộc đối với SV. Các em được chọn

một trong những ngoại ngữ nêu trên và phải đạt chuẩn đầu ra tương đương với cấp độ B1 theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Châu Âu (CERF) mới đủ điều kiện để tốt nghiệp.

Theo kết quả khảo sát, thời điểm các em dành thời gian cho việc tự học ở nhà cũng tương đối khác nhau: tự học ít phút mỗi ngày chiếm tỷ lệ 38,6%, tự học ngay trước buổi học trên lớp là 29,8%, tự học ngay sau buổi học trên lớp là 12,3%, tự học trước và sau buổi học trên lớp chiếm 17,5%, thỉnh thoảng mới học chiếm 1,8%.

### 3.2. Thực trạng về ý thức và động cơ tự học của sinh viên

Khi tác giả đặt câu hỏi “Vì sao em tự học thêm tiếng Pháp ngoài giờ học ở trên lớp?” để tìm hiểu ý thức và động cơ tự học của SV, kết quả thu được như Bảng 1.

**Bảng 1.** Ý thức tự giác và động cơ tự học của sinh viên

Ý kiến của sinh viên	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Em tự giác và tự ý thức được tầm quan trọng của việc tự học	68	59,6
Thầy, cô giao bài cho em về nhà nên em phải học	101	88,6
Người khác (bố mẹ, người thân, bạn bè, ...) bảo em học	7	6,1
Em muốn đạt kết quả tốt (điểm số cao trong các kỳ thi)	98	86,0
Em đam mê học tiếng Pháp	16	14
Lý do khác	14	12,3

Phần lớn SV tự học vì muốn đạt kết quả học tập tốt (đạt điểm số học phần cao) (86%), vì các em ý thức được tầm quan trọng của việc tự học (59,6%), trong khi số SV tự học tiếng Pháp vì đam mê chiếm tỷ lệ rất nhỏ (14%). Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy đa số SV tự học bởi vì thầy cô giao bài tập về nhà nên các em phải làm (88,6%), thậm chí một số ít SV không có tính tự giác, chỉ học bài khi người khác (bố mẹ, người thân, bạn bè,...) bảo các em học (6,1%). So với Báo cáo của Trường ĐHNT [7] thì tác giả thấy dữ liệu này khá tương đồng. Kết quả này cho thấy có mối liên quan giữa việc tự ý thức và việc SV bị đặt trong tình huống “phải học”, giữa tính tự giác và trách nhiệm. Trong những lý do khác (chiếm 12,3%), một số SV cho biết là các em tự học vì muốn đi du học tại Pháp, muốn làm việc trong một công ty Pháp, muốn giao tiếp với người Pháp bằng tiếng Pháp hoặc đơn giản là thích khám phá văn hóa Pháp. Nhưng cũng có SV cho rằng các học phần tiếng Pháp có số lượng tín chỉ cao (4 TC) nên điểm số của môn học này ảnh hưởng đáng kể đến kết quả của năm học và cả khóa học.

### 3.3. Thực trạng về nội dung tự học

Khi tác giả đặt câu hỏi “Khi em tự học tiếng Pháp thì em dành thời gian để học cái gì hoặc nhằm cải thiện kỹ năng nào?” thì kết quả thu được cho thấy khi tự học, 94,7% tổng số SV được hỏi dành thời gian chủ yếu cho việc củng cố các kiến thức ngôn ngữ (KTNN) (từ vựng, ngữ pháp, cú pháp, làm bài tập), 76% cho kỹ năng nói, 69,2% cho kỹ năng nghe, 67,5% cho kỹ năng đọc và 62,2% cho kỹ năng viết.

**Bảng 2.** Lý do sinh viên dành thời gian cho các nội dung tự học

Lý do SV dành thời gian cho nội dung tự học	KTNN		Nghe		Nói		Đọc		Viết	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Thầy cô hay kiểm tra nội dung này	106	93,0	84	73,7	90	78,9	76	66,7	70	61,4
Quan trọng và liên quan nhiều đến kỳ thi	110	96,5	74	64,9	81	71,0	79	69,3	68	59,6
Giúp giao tiếp tốt hơn	60	52,6	68	59,6	90	78,9	42	36,8	37	32,5
Nội dung này khó hơn	48	42,1	97	85,0	55	48,2	26	22,8	24	21,0
Thuận tiện do em học trên điện thoại	67	58,8	96	84,2	60	52,6	88	77,2	16	14,0
Lý do khác	5	0,4	3	0,26	1	0,09	3	0,26	1	0,09

Chú thích: KTNN = Kiến thức ngôn ngữ, SL = Số lượng

Có nhiều lý do khác nhau để SV tập trung vào nội dung này hay nội dung kia. Tuy nhiên quan sát Bảng 2 tác giả thấy có hai lý do chính là do “Thầy cô hay kiểm tra nội dung này” và do nội dung đó “Quan trọng và liên quan đến kỳ thi”. Ngoài ra SV cũng chú trọng đến kỹ năng nói vì

việc này “giúp giao tiếp tốt hơn” (78,9%) và kỹ năng nghe vì các em cho rằng kỹ năng này khó hơn (85%). Bảng 2 cũng cho thấy một chi tiết đáng chú ý là nhiều SV sử dụng điện thoại cho việc tự học, đặc biệt là cho kỹ năng nghe (84,2%) và kỹ năng đọc (77,2%). Trong các nội dung tự học thì KTNN là nội dung mà SV dành nhiều thời gian nhất còn kỹ năng viết ít được SV quan tâm hơn dù ở các kỳ thi cuối kỳ SV đều được yêu cầu viết về một chủ đề liên quan đến học phần.

Đối chiếu các thông tin ở Bảng 1 và Bảng 2, tác giả thấy có sự liên quan logic giữa ý thức tự học và nội dung tự học. Đó là ý thức tự học và sự tự giác gắn liền với lợi ích, trách nhiệm và bản phận. Phần lớn là do các thầy cô kiểm tra bài và việc tự học gắn liền kết quả của các kỳ thi. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận SV tự học là do các em tự giác, tự nguyện và để cải thiện năng lực của bản thân.

### **3.4. Thực trạng về phương pháp tự học**

Phương pháp tự học của SV cũng khá đa dạng: học theo nhóm (36,8%), học qua các phần mềm dạy tiếng Pháp (32,5%), học từ các bài giảng trên Internet (56,1%), tìm người bản xứ để học (15,8%). Tuy nhiên, cũng có nhiều SV tự học và tự thực hành một mình chủ yếu từ tài liệu mà thầy cô cung cấp (48,2%). Nguồn tài liệu mà các em sử dụng để tự học là giáo trình chính, sách bài tập, bài giảng của giảng viên (96,5%), Internet (Youtube, các trang web dạy tiếng Pháp trực tuyến, tivi hoặc radio trực tuyến,...) (86%), tìm tài liệu trong thư viện của trường (14%).

Phần lớn các em học theo những chủ đề mà thầy cô hướng dẫn (78,9%), một bộ phận còn lại biết mở rộng phạm vi tự học sang những chủ đề mà SV yêu thích hoặc cảm thấy cần thiết (21,1%).

Nhận xét chung về phương pháp tự học của SV, tác giả thấy một bộ phận biết chọn phương pháp có sự tương tác như học nhóm, học với người bản xứ hoặc qua các nền tảng trên Internet. Tuy nhiên, gần một nửa số SV được hỏi chỉ tự học và tự thực hành một mình. Đây rõ ràng là một phương pháp tự học mang tính thụ động, không phù hợp lắm đối với môn học ngoại ngữ, đặc biệt trong thời đại công nghệ số.

### **3.5. Thực trạng về kỹ năng tự học của sinh viên**

Khi tác giả hỏi SV còn thiếu những kỹ năng tự học nào, thì phần lớn SV tự cho rằng các em còn thiếu kỹ năng lập kế hoạch tự học (55,3%), kỹ năng tìm tài liệu (36%), kỹ năng đọc tài liệu và ghi chép (40,4%), kỹ năng tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu, thông tin (52,6%), kỹ năng tự kiểm tra và đánh giá kết quả tự học (49,1%), kỹ năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu (29,8%), kỹ năng tự kiểm tra và đánh giá hoạt động tự học (49,1%). Đây đều là những kỹ năng tự học rất quan trọng. Tuy nhiên, một điểm sáng tích cực là phần lớn SV tự tin về kỹ năng làm việc nhóm của mình khi chỉ có 19,3% tổng số SV được hỏi tự đánh giá còn thiếu kỹ năng này.

Như vậy, ngoài phương pháp tự học, một bộ phận không nhỏ SV đều thiếu các kỹ năng tự học quan trọng. Điều này có thể giải thích cho lý do vì sao các em có dành thời gian tự học nhưng hiệu quả học tập chưa cao.

### **3.6. Kết quả phỏng vấn giảng viên**

100% GV đều có chung nhận xét là ý thức tự học, tự giác của một bộ phận SV chưa cao, thái độ học tập thụ động, không có động lực. Tất cả GV được phỏng vấn đều khẳng định luôn dành từ 15 đến 25 phút để kiểm tra bài cũ, ôn lại kiến thức đã học nhưng chỉ có 2 GV cho rằng khoảng 60% SV hoàn thành tương đối tốt bài tập về nhà, 2 GV khác cho biết chỉ có khoảng 40% SV hoàn thành ở mức độ tương đối tốt trở lên, phần còn lại là làm đối phó, 1 GV cho rằng chất lượng tự học rất thấp, chỉ chừng 30% đạt yêu cầu mà GV đề ra. Khi được hỏi về khó khăn mà SV thường hay gặp phải trong việc học ngoại ngữ, 100% GV khẳng định một bộ phận SV thiếu từ vựng, thiếu ý tưởng, ngại phát biểu, yếu đều các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói. 4 GV cho rằng khả năng vận dụng của SV chưa cao. Tất cả GV được phỏng vấn đều cho rằng SV có vấn đề về phương pháp và kỹ năng tự học, thiên về học thuộc lòng và ghi nhớ thụ động, khả năng hệ thống hóa thông tin và chuyển hóa thông tin trong tài liệu thành tri thức của mình còn thấp.

Về giải pháp, các GV đề xuất nên tạo thêm nhiều hoạt động nhóm, trò chơi để tăng thêm động lực học tập cho SV. Tạo không khí gần gũi và khuyến khích SV giao tiếp nhiều hơn trong lớp

cũng như ở nhà. Không nên quá chú trọng vào giáo trình mà nên lựa chọn những chủ đề gần gũi với đời sống SV, được SV quan tâm. Khuyến khích SV tự học bằng cách ghi nhận điểm số tích cực phát biểu, tích cực làm bài tập về nhà. Về phía GV, nên chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, tránh thuyết giảng nhiều, nên tạo cơ hội để SV thực hành nhiều hơn, khuyến khích SV tham gia các câu lạc bộ, áp dụng triệt để hơn mô hình lớp học đảo ngược (SV tự học bài ở nhà, ở lớp GV chỉ trả lời câu hỏi và tạo các hoạt động cho SV được thực hành nhiều hơn), bồi dưỡng phương pháp và kỹ năng tự học cho SV. Cuối cùng, các GV đều thống nhất cho rằng điều quan trọng nhất là làm cho SV hiểu và ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, có ý thức tự giác trong học tập.

### **3.7. Một số giải pháp nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên**

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện thực trạng tự học của sinh viên học tiếng Pháp nói riêng và sinh viên học ngoại ngữ nói chung tại Trường ĐHTN như sau:

#### **3.7.1. Đối với sinh viên**

Tự học, tự nghiên cứu là hoạt động trung tâm của quá trình học đại học. Do vậy, mỗi sinh viên cần phải ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, bồi dưỡng ý thức tự giác, tự nguyện. Thực tế cho thấy là nhiều sinh viên có dành thời gian cho việc tự học nhưng hiệu quả chưa cao, nguyên nhân là do các em chưa biết cách tự học. Đây là vấn đề của kỹ năng và phương pháp tự học. Như vậy, để hoạt động tự học đạt hiệu quả tốt, trước hết mỗi SV cần tìm hiểu và hình thành các kỹ năng tự học, đó là tập hợp các kỹ năng như: kỹ năng lập kế hoạch tự học (là khả năng phân bổ thời gian hợp lý cho từng nội dung, từng môn học, từng thời điểm), kỹ năng tìm tài liệu, kỹ năng đọc tài liệu (nên đọc có chọn lọc, đọc có hệ thống, đọc có tư duy), kỹ năng ghi chép và hệ thống hóa thông tin (biết sắp xếp, hệ thống hóa thông tin theo chủ đề và biến những thông tin từ tài liệu thành kiến thức của mình), kỹ năng tự đánh giá kết quả tự học (lập bảng tiêu chí để tự đánh giá hiệu quả tự học của mình). Phương pháp tự học, đặc biệt là tự học ngoại ngữ nói chung và tiếng Pháp nói riêng, đóng vai trò rất quan trọng. Đó là phương hướng, cách thức và phương tiện tự học để đạt hiệu quả cao. Học ngoại ngữ đòi hỏi sự chuyên cần, tính thường xuyên cộng thêm sự năng động và sáng tạo của người học. Trước hết, SV cần phải bám sát đề cương học phần của môn học, học theo các chủ đề mà GV đưa ra. Đối với mỗi chủ đề, SV nên tập trung vào các kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc câu, ngữ âm, ngữ nghĩa,...), kiến thức liên quan đến chủ đề, kiến thức văn hóa xã hội. Sau đó, SV tìm cơ hội thực hành, nên tìm kiếm cơ hội giao tiếp và tương tác thông qua hoạt động nhóm, giao tiếp với GV trên lớp, với người bản xứ (qua Internet hoặc trực tiếp). Ngoài ra, SV cần biết mở rộng phạm vi học tập, không nên bó hẹp hiểu biết của mình trong phạm vi bài giảng của GV. Chỉ có như thế thì hiệu quả tự học mới được nâng cao.

#### **3.7.2. Đối với giảng viên**

Trước hết, mỗi GV cần làm cho sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở bậc đại học, từ đó nâng cao ý thức tự giác, tính tự nguyện của SV. Bằng cách giáo dục tư tưởng, khơi gợi ý thức trau dồi chuyên môn thông qua việc ghi nhận hoạt động tự học vào điểm quá trình, khen ngợi những SV làm tốt các bài tập được giao và có thành tích học tập tốt trước tập thể lớp. Bên cạnh đó, GV cần hướng dẫn SV lập kế hoạch tự học, bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp tự học. Ngoài ra, GV cũng phải thường xuyên cập nhật những phương pháp dạy học mới. Một trong những phương pháp góp phần nâng cao tính tự học của SV là áp dụng mô hình lớp học đảo ngược, trong đó, thời gian ở nhà SV phải chuẩn bị kỹ bài học, GV dành thời gian ở trên lớp để giải đáp câu hỏi của SV và tổ chức các hoạt động thực hành, hoạt động giao tiếp nhằm tạo thêm hứng thú cho SV trong việc học. Qua thực tế giảng dạy, tác giả nhận thấy SV rất hứng khởi và nhiệt tình khi tham gia các hoạt động trò chơi, đóng kịch, học tiếng Pháp thông qua âm nhạc Pháp.

## **4. Kết luận**

Từ thực tế quan sát và kết quả nghiên cứu về thực trạng tự học của sinh viên, tác giả đưa ra một số kết luận như sau:

*Thứ nhất*, hầu hết SV học tiếng Pháp tại Trường ĐHTT đều dành thời gian tự học ở nhà, tuy nhiên, thời gian mà các em dành cho việc tự học không đủ nhiều để đáp ứng yêu cầu của môn học, phần lớn SV chỉ dành không quá 1 giờ mỗi tuần để tự học môn học này. *Thứ hai*, về ý thức và động cơ tự học, phần lớn SV tự học là do GV yêu cầu và ra bài tập về nhà cho SV làm và tự học vì muốn đạt điểm số cao trong các kỳ thi. Như vậy có mối liên hệ giữa ý thức tự học với lợi ích, trách nhiệm và bồn phận. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận SV đã ý thức được tầm quan trọng của việc tự học và học vì đam mê tiếng Pháp. *Thứ ba*, các em có vấn đề về phương pháp và kỹ năng tự học, gần một nửa số SV được hỏi áp dụng phương pháp không hợp lý, thiếu tính tương tác, đặc biệt là đối với môn học ngoại ngữ. Nhiều sinh viên thiếu các kỹ năng tự học cơ bản như kỹ năng lập kế hoạch tự học, kỹ năng tìm tài liệu, kỹ năng đọc tài liệu và tổng hợp thông tin, kỹ năng ghi chép, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng tự kiểm tra và đánh giá kết quả tự học. *Thứ tư*, ngoài các tài liệu thầy cô cung cấp, một bộ phận SV đã biết khai thác và tận dụng tính ưu việt của công nghệ số vào hoạt động tự học như tìm kiếm nguồn tài liệu phong phú trên Internet, sử dụng các phần mềm dạy học tiếng Pháp, tự học qua các trang web và Youtube,...

Để nâng cao chất lượng tự học nói riêng và hoạt động học tập nói chung, mỗi SV cần ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, có ý thức tự giác, tích cực học tập, coi hoạt động tự học là hoạt động trung tâm của quá trình học đại học. Về phía giảng viên, cần tạo không khí cởi mở, khuyến khích SV tự học bằng nhiều hình thức, đặc biệt là ghi nhận điểm số thông qua đánh giá quá trình, không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực để tăng hứng thú và truyền cảm hứng cho SV, chú trọng bồi dưỡng phương pháp và kỹ năng tự học cho SV.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] The National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, *The Education Law, No: 44/2009/QH12, November 25, 2009, came into effect from July 1, 2010*, 2010.
- [2] T. T. Ngo and Q. V. Nguyen, "Guide to self-study in the era of "5th technology level" to develop students' capacity," *Vietnam Journal of Education*, no. 465, pp. 43-47, 2019.
- [3] T. T. H. Nguyen, V. H. Nguyen, and D. H. Phuong, "The current status of self-study skills outside the classroom of full-time pedagogical students at Ho Chi Minh City University of Education," *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, no. 54, pp. 88-99, 2014.
- [4] C. T. Nguyen, *Some self-study experiences*. Education Publishing House, Hanoi, 2002.
- [5] H. L. Nguyen, *Self-study is a need of the times*. Education Publishing House, Hanoi, 1992.
- [6] T. H. Dinh, H. P. Le, and T. C. Dinh, "Self-study and some self-study requirements of students to meet the credit-based training form," *Vietnam Journal of Education*, Special Issue, pp. 178-181, October 2019.
- [7] C. T. Nguyen, *The process of teaching self-study*. Education Publishing House, Hanoi, 1997.
- [8] T. K. C. Pham and T. T. H. Dinh, "The current situation and measures to develop self-study skills for first-year students of the Faculty of Foreign Languages, Hung Vuong University," *Vietnam Journal of Education*, vol. 18, no. 22, pp. 53-58, 2022.
- [9] T. N. L. Nguyen and T. T. T. Nguyen, "Solutions to improve self-study methods for garment students at Ho Chi Minh City University of Technical Education," *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, vol. 79, no. 1, pp. 145-153, 2016.
- [10] T. M. H. Tran, *Self-study and basic psychological factors in self-study of pedagogical students*. Education Publishing House, Hanoi, 2011.
- [11] J. Rey-Debove and A. Rey, *French Dictionary Le Nouveau Petit Robert*. Robert Publishing House, Paris, 2010.
- [12] V. K. Doan, A. T. Nguyen, and D. P. Du, *Textbook of Logic and Method learning methods, scientific research methods Study*. Vietnam Education Publishing House, Hanoi, 2012.
- [13] Dictionary Editorial Board: New Era, *English-English-Vietnamese Dictionary*. Information and Culture Publishing House, Hanoi, 2001.
- [14] N. H. Nguyen and T. H. Nguyen, "Concept of method: definition and classification," *Vietnam Social Sciences Journal*, no. 4, pp. 13-19, 2019.
- [15] Nha Trang University, *Report on results of feedback from learners on lecturers' teaching activities, semester 2, school year 2022-2023*, October 23, 2023.